

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 277/2024/DS-PT

Ngày: 04/4/2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Mỹ Cúc

Các Thẩm phán:

1. Bà Lê Ngọc Nga

2. Bà Nguyễn Thị Bảo Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thùy Anh, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đức Thành – Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 626/2023/TLPT-DS ngày 05 tháng 12 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 3504/2023/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố H (viết tắt Tòa án ND thành phố T) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 677/2024/QĐXXDS-PT ngày 15 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3129/2024/QĐ-HPT ngày 14 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q

Trụ sở: 111A Pasteur (tòa nhà Sailing Tower, tầng 1 và tầng 2), phường B, Quận Z, Thành phố H.

2. *Bị đơn:* Bà Võ Ngọc Lan A, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Cư trú: 129/5 Ngô Chí Quốc, phường B, thành phố T, Thành phố H

3. *Người kháng cáo:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền ngày 04/01/2021 (BL50): Bà Trần Thị Thu H – Giám đốc Trung tâm Quản lý nợ Ngân hàng bán lẻ (vắng mặt)

Người đại diện ủy quyền ngày 13/3/2024:

- Ông Võ Hoàng Đăng D (vắng mặt)
- Ông Tạ Công T (vắng mặt)
- Ông Nguyễn Ngọc Đ (có mặt)
- Ông K'Jac L (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện gửi ngày 02/3/2022 (BL81); Bản tự khai ngày 21/6/2022 (BL82) và các ngày 13/4 (BL223) – 05/5 (BL226) - 06/9/2023 (BL237), nguyên đơn và đại diện ủy quyền trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (viết tắt V) thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu ngày 14/02/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 35: ngày 08/9/2021 của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H.

Ngày 08/5/2020, V – Chi nhánh T cho Bà Võ Ngọc Lan A (viết tắt Bà A), độc thân (BL58) vay số tiền 307.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng (BL210) số 3631216.20 (viết tắt Hợp đồng tín dụng) để thanh toán mua xe ô tô nhãn hiệu KIA SOLUTO, biển số 51H-290.67 với thời hạn 84 tháng, lãi suất 9,6%/năm trong thời hạn 12 tháng. Tài sản thế chấp chiếc xe nêu trên theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải (viết tắt Hợp đồng thế chấp) số 5845337.20 (BL203) và bản Phụ lục 1 ngày 08/5/2020 (BL198) gồm bản chính sau: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (BL204) số 569415 ngày 07/5/2020 (viết tắt Giấy CNĐK xe ô tô) của Công an Thành phố H, Giấy hẹn cấp đăng ký xe ngày 07/5/2020, Hợp đồng mua bán số KIA0122/2020-KIAOLUTO/CTCPDVPN và bản sao Hóa đơn VAT số 0000257.

Ngày 26/10/2020, V – Chi nhánh T phát hành thẻ tín dụng V GOLD (viết tắt Thẻ tín dụng) theo Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản của Bà A được sử dụng với hạn mức 31.000.000 đồng và lãi suất theo qui định trong từng thời kỳ.

Do không thanh toán cũng như không thực hiện Thông báo yêu cầu trả nợ, chủ động bàn giao tài sản bảo đảm ngày 21/5/2021 (BL216), V khởi kiện yêu cầu Tòa án ND thành phố T buộc Bà A thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 11/5/2021 là 334.905.670 đồng, gồm: nợ gốc: 277.760.000 đồng, nợ lãi: 12.603.369 đồng, nợ lãi quá hạn: 523.066 đồng đối với Hợp đồng tín dụng và dư nợ Thẻ tín dụng là 43.706.481 đồng. Đồng thời, tiếp tục tính lãi và lãi quá hạn cho đến khi thanh toán xong Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt tham gia tố tụng không có lý do theo các Biên bản lập vào các ngày 22/12/2022 (BL106); 15/02/2023 (BL111-112); 13/4/2023 (BL122-123); 15/8/2023 (BL129-130) và 06/9/2023 (BL132-135-136) nên Tòa án ND thành phố T tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của V: Bà A có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền 469.292.812 đồng, trong đó: nợ gốc 277.760.000 đồng; nợ lãi 144.466.191 đồng đối với Hợp đồng tín dụng và nợ gốc 29.000.000 đồng; tiền lãi 16.397.320 đồng; tiền phí 1.669.301 đồng đối với Thẻ tín dụng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu của V đối với số tiền phí 60.939.699 đồng.

Ngoài ra, còn tuyên về phải chịu tiền lãi phát sinh trên số tiền chưa thanh toán tính từ ngày 07/9/2023 đến khi thanh toán xong Hợp đồng tín dụng, kế ước nhận nợ đã ký; về việc V giao trả bản chính Giấy CNĐK xe ô tô cho Bà A nếu đã thanh toán xong Hợp đồng tín dụng; về án phí; các quy định về thi hành án dân sự; về quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 19/9/2023, V gửi đơn kháng cáo về hủy việc giao trả bản chính Giấy CNĐK xe ô tô cho Bà A, về buộc Bà A thanh toán 108.006.320 đồng bao gồm: nợ gốc 29.000.000 đồng; tiền lãi 16.397.320 đồng; tiền phí 62.609.000 đồng và tiếp tục chịu lãi đến khi thanh toán xong Thẻ tín dụng, về án phí không phải chịu như án sơ thẩm tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông Nguyễn Ngọc Đ cho biết: Bà A phải trả cho V số tiền phí trong việc sử dụng Thẻ tín dụng gồm: phí thường niên mỗi năm là 499.000 đồng; phí rút tiền mặt được tính 4% trên số tiền rút tiền mặt mỗi lần nhưng tối thiểu phí phải chịu là 100.000 đồng; phí vượt hạn mức do thanh toán trễ hạn được tính 4% trên số tiền thanh toán trễ hạn nhưng tối thiểu phí phải chịu là 50.000 đồng và phí thanh toán trễ hạn được tính 4% trên số tiền chậm thanh toán nhưng tối thiểu phí phải chịu là 200.000 đồng. Phí thanh toán trễ hạn và phí vượt hạn mức thanh toán trễ hạn không phải là lãi chậm thanh toán. Các khoản phí nêu trên không ghi nhận cụ thể khi V phát hành Thẻ tín dụng theo Đơn đề nghị ngày 26/10/2020 của Bà A mà chỉ ghi “... Biểu phí được công bố trên Website website: www.V.com.vn của V ...” nên việc tính phí thể hiện trên hệ thống của V, không rõ cụ thể số tiền của từng loại phí đối với Bà A phải chịu. Do vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên V đã khóa Thẻ tín dụng của Bà A vào năm 2020. Kháng định: V chỉ yêu cầu cấp sơ thẩm giải quyết Hợp đồng tín dụng đối với Bà A, không yêu cầu giải quyết Hợp đồng thế chấp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của V là sửa án sơ thẩm theo Đơn kháng cáo đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nêu hành vi tổ tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng qui định. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; kết quả tranh luận giữa các bên đương sự và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn gửi trong hạn luật định phù hợp khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên chấp nhận.

[2] Xét sự vắng mặt bị đơn tại phiên tòa ngày 13/4/2024 (lần thứ nhất) và 04/4/2024 (lần thứ hai) theo các Biên bản của Văn phòng Thừa phát lại Quận Z, Thành phố H lập ngày 27/02 và 19/3/2024 phù hợp theo điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tiếp tục phiên tòa.

[3] Xét chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA SOLUTO, biển số 51H-290.67 là tài sản thế chấp được nêu tại điểm 2.1.1 của Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp nên không thể tách rời khi thực hiện hợp đồng và cả việc giải quyết tranh

chấp. Cấp sơ thẩm chỉ tuyên “Kể từ ngày Bà Võ Ngọc Lan A thanh toán đủ số tiền nợ vay theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng ... thì Ngân hàng có trách nhiệm giao trả cho Bà A bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 569415 ... ngày 07/5/2020.” theo khoản 1 Điều 322 Bộ luật dân sự năm 2015 là có căn cứ, nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của V đề nghị hủy bỏ nội dung “*Trường hợp Bà Võ Ngọc Lan A trả hết số nợ trên thì Ngân hàng ... có trách nhiệm giải chấp tài sản bảo đảm và trả lại cho Bà Võ Ngọc Lan A bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 569415 ... ngày 07/5/2020 đối với xe ô tô hiệu KIA SOLUTO ... theo hợp đồng thế chấp.*”. Ghi nhận ý kiến của đại diện V về việc không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp vừa nêu trong Hợp đồng thế chấp nên cấp sơ thẩm thụ lý loại việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Đơn khởi kiện gửi ngày 02/3/2022 của V là phù hợp tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là có căn cứ.

[4] Xét việc cấp Thẻ tín dụng của V cho bị đơn sử dụng số tiền 29.000.000 đồng trong hạn mức tín dụng nêu trong Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng ... của Bà A ngày 26/10/2020 không thể hiện rõ các khoản phí mà bị đơn phải chịu khi không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thẻ theo qui định tại Điều 398 Bộ luật dân sự năm 2015, nên không chấp nhận lời trình bày của đại diện nguyên đơn cũng như đơn kháng cáo của V về số tiền phí 60.939.699 đồng (62.609.000 đồng – 1.669.301 đồng) mà cấp sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của V là có căn cứ. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm cần tuyên rõ hơn số tiền phí nêu trên theo Thẻ tín dụng ngày 26/10/2020.

[5] Từ sự phân tích trên, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên án sơ thẩm nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 322 và Điều 398 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 3504/2023/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố H như sau:

1.1 Bà Võ Ngọc Lan A thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q tổng số tiền 469.292.812đ (Bốn trăm sáu mươi chín triệu hai trăm chín mươi hai nghìn tám trăm mười hai đồng), bao gồm:

Số tiền vay còn lại 277.760.000 đồng và tiền lãi 144.466.191 đồng đối với Hợp đồng tín dụng số 3631216.20 ngày 08/5/2020;

Số tiền nợ gốc 29.000.000 đồng, tiền lãi 16.397.320 đồng và tiền phí 1.669.301 đồng đối với Thẻ tín dụng ngày 26/10/2020.

Việc giao nhận tiền hai bên tự thực hiện hoặc tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q, nếu Bà Võ Ngọc Lan A chậm thanh toán thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tính từ ngày 07/9/2023 cho đến khi thanh toán số tiền nợ theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 3631216.20 ngày 08/5/2020 và Thẻ tín dụng ngày 26/10/2020.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q giao trả cho Bà Võ Ngọc Lan A bản chính: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 569415 ngày 07/5/2020 của Công an Thành phố H, Giấy hẹn cấp đăng ký xe ngày 07/5/2020, Hợp đồng mua bán số KIA0122/2020-KÍ AOLUTO/CTCPDVPN và bản sao Hóa đơn VAT số 0000257, nếu Bà Võ Ngọc Lan A thanh toán Hợp đồng tín dụng số 3631216.20 ngày 08/5/2020.

1.2 Không chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q về buộc Bà Võ Ngọc Lan A phải trả số tiền phí 60.939.699đ (Sáu mươi triệu chín trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng) đối với Thẻ tín dụng ngày 26/10/2020.

2. Về án phí dân sự:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q chịu án phí sơ thẩm là 3.046.985đ (Ba triệu bốn mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi lăm đồng). Được trừ vào Biên lai thu số 048302 ngày 13/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố H. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q nhận lại số tiền 5.325.657đ (Năm triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn sáu trăm năm mươi bảy đồng).

Bà Võ Ngọc Lan A phải chịu án phí sơ thẩm là 22.771.712đ (Hai mươi hai triệu bảy trăm bảy mươi một nghìn bảy trăm mười hai đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q chịu án phí phúc thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào Biên lai thu số 05360 ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố H. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q đã nộp đủ.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.H;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Viện KSND Thành phố H;
- TANDTP Thủ Đức, TPH;
- Chi cục THADSTP t;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trần Mỹ Cúc